

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12/ 03/ 2021

V/v : *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương.

2. Ông Lò Thanh Hồng.

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12/03/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn , theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đội 18, xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đội 18, xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/12/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Cà Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 17/7/2008. Kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì tôi phát hiện anh T dính vào tệ nạn xã hội sử dụng chất ma túy, trong thời gian từ đó cho đến nay chúng tôi đã không tìm được tiếng nói chung, cho dù tôi là một người vợ hết sức cam chịu, chạy chữa để giữ gìn hạnh phúc nhưng càng ngày anh T càng lún sâu vào con đường tệ nạn, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng,

không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt. Tôi xét thấy tình cảm của tôi với anh T không còn gì nữa. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Lê Xuân H1, sinh ngày 06/02/2009. Nguyên vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích đất ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên sau khi nhận đơn khởi kiện của chị H vào ngày 24/12/2020 đã thụ lý vụ án số 93/TB-TLVA, ngày 24/12/2020 và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn. Tuy nhiên sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh T đã không có bản tự khai hay ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại biên bản xác minh ngày 18/01/2021, chính quyền địa phương xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau đó về chung sống với nhau tại Đội 0 (Đội 18 cũ), xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có sử dụng chất ma túy, năm 2018 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử 12 tháng tù về tội ma túy, sau khi ra tù anh T trở về địa phương sinh sống, đến nay anh T có còn sử dụng ma túy nữa hay không thì chúng tôi không nắm được. Chị H có làm đơn ra Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng H – T có 01 con chung là cháu Lê Xuân H1, sinh ngày 06/02/2009. Cháu Huy đã trên 07 tuổi thì phải hỏi ý kiến của cháu và để đảm bảo về môi trường, điều kiện để cho cháu Huy được phát triển tốt về mọi mặt, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành văn bản thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 93/TB-TA và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên anh T đã vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt của anh T và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T được biết.

Ngày 04/02/2021 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX - HNGĐ, phiên tòa được mở vào ngày 22/02/2021, tại phiên tòa anh T đã vắng mặt không có lý do, do vậy phiên tòa được mở lại vào hồi 14 giờ 00, ngày 12/03/2021 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 22/02/2021.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cà Thị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Tòa án giao cháu Lê Xuân H1, sinh ngày 06/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do vậy đề nghị Tòa án không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Cà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” chị Cà Thị H và anh Lê Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/02/2021 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-HNGĐ, thời gian mở phiên tòa vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 22/02/2021. Tại phiên tòa anh T đã vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22/02/2021 được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 12/03/2021, tại phiên tòa chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Khoản 1, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 17/07/2008 tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có sử dụng chất ma túy, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H có khuyến bảo, tạo điều kiện cho anh T cai nghiện nhưng không có kết quả, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, tại phiên tòa chị H một mực cương quyết xin ly hôn, vì tình cảm giữa chị và anh T không còn nữa. Ngoài ra theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T tại chính quyền địa phương cũng đã xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa hai người cũng đã có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do anh T có sử dụng chất ma túy, năm 2018 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử 12 tháng tù về tội ma túy, sau khi ra tù anh T trở về địa phương sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng đã không còn quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Lê Xuân H1, sinh ngày 06/02/2009. Chị H có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi cháu Huy. Tại bản tự khai ngày 31/12/2020 của cháu Huy, thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy nguyện vọng của chị H và cháu Huy là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận với nguyện vọng của chị H và cháu Huy. Giao cháu Lê Xuân H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Cà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai số: AA/2020/0000842 ngày 24/12/2020. (Chị H đã nộp đủ án phí DSST).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Cà Thị H được ly hôn với anh Lê Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Xuân H1, sinh ngày 06/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Cà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai số: AA/2020/0000842 ngày 24/12/2020. (Chị H đã nộp đủ án phí DSST).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/03/2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã Sam Mứn, huyện DB.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lò Văn Thương

Vũ Thị Thanh Thủy

Lò Thanh Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Minh, tp Điện Biên Phủ.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Vũ Thị Thanh Thủy

Lò Văn Thương

